

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 127/2019/DS-PT

Ngày: 26 - 4 - 2019

V/v “Tranh chấp quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hà

Các Thẩm phán: Bà Bùi Thị Phương Loan

Ông Huỳnh Văn Yên

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Dương Kim Yến là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2019/TLPT-DS ngày 19 tháng 3 năm 2019 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 53/2018/DS-ST ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2019/QĐ-PT ngày 28 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Trọng K - Sinh năm 1938 (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của ông K: Anh Nguyễn Xuân T2 - Sinh năm 1970 (theo văn bản ủy quyền ngày 06 tháng 11 năm 2018, có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 18, xã B, huyện T, tỉnh C ..

- *Bị đơn:* 1. Ông Dương Văn M1 - Sinh năm 1970 (có mặt).

2. Bà Sử Thị M2 – Sinh năm 1969 (vợ ông M1, có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp 18, xã B, huyện T, tỉnh C ..

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông M1, bà M2: Ông Nguyễn Văn Nuôi là Luật sư của Văn phòng luật sư Ánh Sáng thuộc Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Vũ Thị T1 (vợ ông K, vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 18, xã B, huyện T, tỉnh C ..

Người đại diện hợp pháp của bà T1: Anh Nguyễn Xuân T2 (theo văn bản ủy quyền ngày 06 tháng 11 năm 2018, có mặt).

2. Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình: Ông Lê Chí Tâm, chức vụ: Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Thới Bình, là

người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban (theo văn bản ủy quyền ngày 24-12-2018, vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn, huyện T, tỉnh C ..

- *Người kháng cáo:* Ông Dương Văn M1 và bà Sử Thị M2 là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30-3-2018, ngày 02-4-2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Trọng K và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 17-6-1991 ông có nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị Cá một phần đất diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 24.140m² tại ấp 18, xã Biển Bạch, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau với giá là 02 chỉ vàng 24K, khi nhận chuyển nhượng giữa ông với bà Cá không có đo đạc đất chỉ sang mào, có các hộ sử dụng đất liền kề ký chứng kiến. Năm 1994 ông K được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông K chỉ làm đơn kê khai diện tích, không có đo đạc. Hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông K đang quản lý.

Về hiện trạng đất lúc nhận chuyển nhượng đã có bờ bao quanh, bờ bên cặp với phần đất của ông Lâm Văn Sơn (ông Sơn đã chuyển nhượng lại cho ông Dương Văn M1, bà Sử Thị M2) bà Cá có trồng bờ tràm nước (bờ đất này hiện ông K với ông M1, bà M2 đang tranh chấp). Ông K khai thác tràm, trồng lại tràm bông vàng, ông có bán tràm cho nhiều người, các gốc tràm bông vàng sau khi được khai thác hiện nay vẫn còn.

Quá trình canh tác sử dụng đến năm 2017 ông M1, bà M2 lấn chiếm phần bờ tràm nói trên của ông với chiều ngang 1,5m, chiều dài 200m, tổng diện tích 300m². Ông yêu cầu ông M1, bà M2 trả lại phần đất lấn chiếm theo kích thước đo đạc thực tế của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Thới Bình và các cây trồng có trên đất tranh chấp.

Bị đơn là ông Dương Văn M1, bà Sử Thị M2 trình bày:

Ngày 20-01-1994 ông bà có làm giấy nhận chuyển nhượng của ông Lâm Văn Sơn phần đất chiều ngang 36m, chiều dài 500m, kích thước này chỉ thể hiện bằng lời nói không có đo đạc cụ thể, có kế cận là ông Nguyễn Văn Chính, ông Nguyễn Trọng K ký tên. Năm 1995 ông M1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có cơ quan chuyên môn đo đạc, hiện ông M1, bà M2 đang giữ giấy chứng nhận. Trước khi chuyển nhượng đất cho ông, bà thì ông Sơn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Từ nhượng nhận công đất giữa ông Sơn với ông M1, bà M2 do ông Sử Hòa Bình là cha bà M2 viết, lúc viết giấy ông Bình để trống phần kích thước mặt tiền và mặt hậu, khoảng 10 ngày sau ông M1 đem giấy đến hỏi ông Sơn kích thước phần đất, sau khi ông Sơn nói kích thước phần đất ông M1 trực tiếp ghi phần kích

thước vào tờ nhượng nhân công đất giữa các bên, khi ông Bình viết tờ nhượng nhân công đất ông M1 không nhớ có mặt ai.

Năm 1999, ông K có qua chặt lá ở cặp sông ông có ngăn cản, có nhờ chính quyền địa phương là ông Hà Quang Văn, ông Phạm Xuân Thiện hòa giải.

Về hiện trạng đất trên bờ có tràm bông vàng nhưng ông chỉ trồng ở phía ngoài còn phía trong tự mọc không có ai trồng. Các cây trồng trên phần đất tranh chấp trước đây ông M1, bà M2 và ông K có khai thác. Tuy nhiên, trước khi ông K khai thác cây thì ông K có hỏi được ông M1, bà M2 đồng ý thì ông K mới khai thác.

Năm 2017 phát sinh tranh chấp với ông K nên ông M1, bà M2 mới đo đất, khi đó ông M1 đo đất của ông chiều ngang 36m thì qua luôn cả phần bờ đang tranh chấp. Nay ông, bà không thống nhất yêu cầu của ông K.

Tại bản án sơ thẩm số: 53/2018/DS-ST ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt ông Nguyễn Trọng K, bà Vũ Thị T1, Ủy ban nhân dân huyện Thới B.

Áp dụng Điều 166, Điều 203 Luật đất đai; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trọng K, buộc ông Dương Văn M1, bà Sử Thị M2 giao phần đất tranh chấp cho ông K sử dụng, cụ thể như sau:

Vị trí: Mặt tiền giáp Sông Trẹm mốc M31, M30; mặt hậu giáp Quốc Lộ 63B M2, M3; cạnh bên phải (*nhìn từ mặt tiền*) giáp phần đất còn lại của ông Nguyễn Trọng K mốc M30, M27, M22, M19, M14, M11, M6, M3; cạnh bên trái (*nhìn từ mặt tiền*) giáp phần đất còn lại của ông Dương Văn M1, bà Sử Thị M2 mốc M31, M26, M23, M18, M15, M10, M7, M2.

Kích thước: Phần thứ 1: Mốc M30, M31 giáp Sông Trẹm dài 1,9m, mốc M26, M27 giáp Kinh Xáng dài 1,83m, mốc M30, M27 giáp phần đất ông K dài 20,82m, mốc M31, M26 giáp phần đất ông M1, bà M2 dài 20,88m. Phần thứ 2: Mốc M22, M23 giáp Kinh Xáng dài 1,78m, mốc M18, M19 giáp Lộ Bê Tông dài 1,76m, mốc M22, M19 giáp phần đất ông K dài 5,14m, mốc M23, M18 giáp phần đất ông M1, bà M2 dài 5,14m. Phần thứ 3: Mốc M14, M15 giáp Lộ Bê Tông dài 1,75m, mốc M10, M11 giáp đường Hành Lang Ven Biển Phía Nam dài 1,45m, mốc M14, M11 giáp phần đất ông K dài 88,77m, mốc M15, M10 giáp phần đất ông M1, bà M2 dài 88,49m. Phần thứ 4: Mốc M6, M7 giáp đường Hành Lang Ven Biển Phía Nam dài 1,32m, mốc M2, M3 giáp Quốc Lộ 63B dài 1,24m, mốc M3, M6 giáp phần đất ông K dài 20,73m, mốc M7, M2 giáp phần đất ông M1, bà M2 dài 20,81m.

Tổng diện tích 215,1 m² tại ấp 18, xã Biền Bạch, huyện Thới Bình, Cà Mau.

Giao cho ông K được sử dụng tất cả các cây trồng có trên phần đất tranh chấp bao gồm: Tràm bông vàng, tràm rừng và bạch đàn.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 05/01/2019 ông Dương Văn M1 và bà Sử Thị M2 kháng cáo nội dung ông K nhận chuyển nhượng đất năm 1991, ông M1 và bà M2 nhận chuyển nhượng đất năm 1994, giữa hai phần đất giáp nhau là con mương, hai bên đều có bờ riêng. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào lời khai của những người thân của ông K như ông D, ông Sơn, ông Xíu để khẳng định ông K có trồng cây trên đất là không khách quan. Sau khi tòa sơ thẩm tiến hành đo đạc, thẩm định giá đất thì gia đình ông không nhận được kết quả đo đạc, bản vẽ, không tiếp cận được các hồ sơ làm căn cứ khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giữ nguyên hiện trạng đất cho ông bà sử dụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông M1 và bà M2 giữ nguyên kháng cáo. Luật sư và ông M1, bà M2 tranh luận: Khi ông M1 nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Lâm Văn Sơn thể hiện chiều ngang là 36m, chiều dài 500m, có người kế cận là ông K ký, nhưng ông K cho là không có ký và cũng không có yêu cầu giám định nên chứng tỏ ông K thừa nhận ông Sơn có sang nhượng cho ông M1 cái bờ đất này. Năm 1999 xảy ra tranh chấp giữa ông K và ông M1 được chính quyền địa phương (cụ thể là ông Hà Quang Văn và ông Phạm Xuân Thiện) giải quyết và đã thống nhất xác định là và ông K giao trả phần đất cho ông M1 sử dụng. Năm 2012 giữa ông K và bà Nguyễn Thị Lệ xảy ra tranh chấp, các bên đã hòa giải và thỏa thuận được ranh đất là ngang 36m, thỏa thuận này phù hợp với thỏa thuận năm 1999 của ông K với ông M1; Việc chuyển nhượng đất giữa ông K và bà Cá cũng không thể hiện rõ khi chuyển nhượng bờ tràm có diện tích là bao nhiêu, khi cấp quyền sử dụng đất cho ông K cũng không đo đạc cụ thể. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông M1, bà M2, sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K.

Ông T2 tranh luận: Năm 1999 không có việc giải quyết tranh chấp giữa ông M1 và ông K, nếu có giải quyết thì phải có biên bản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Dương Văn M1, bà Sử Thị M2, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa ông M1 và bà M2 xác nhận diện tích phần đất tranh chấp là 215,1m², hiện nay ông bà đã nhận được kết quả đo đạc và không có ý kiến, vẫn giữ nguyên quan điểm là không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K.

[2] Việc ông M1 và bà M2 kháng cáo cho rằng những người xác nhận ông K trồng cây trên đất như ông Xiếu, ông D, ông Sơn là không khách quan vì những người này có mối quan hệ họ hàng với ông K. Xét lời khai tại biên bản làm việc ngày 07/11/2018 với Tòa án thì ông Xiếu và ông Luân khẳng định hai ông chuyển nhượng cây của ông K cách nay 10 năm, phía ông M1 và bà M2 cung cấp xác nhận của ông Nguyễn Văn Dũng có cửa tràm cho ông M1 bà M2 vào năm 2007 giáp với đất ông K. Nếu xét theo xác nhận của ông Xiếu, ông Luân và ông D cũng chưa đủ cơ sở để khẳng định ai là người quản lý canh tác trước khi tranh chấp.

[3] Xét lời trình bày của ông Sơn cho rằng khi chuyển nhượng đất cho ông M1, bà M2 thì phần đất không có bờ, bờ đất trồng tràm đang tranh chấp là của ông K vì bờ đất này hình thành trước khi ông Sơn chuyển nhượng đất cho ông M1, bà M2. Khi ông Sơn sử dụng đất thì không có làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi chuyển nhượng cũng không có đo đạc nên không xác định được chiều ngang, chiều dài của phần đất. Ông Sơn vừa là người chuyển nhượng cho ông M1, bà M2 vừa có mối quan hệ họ hàng với bà M2. Lời trình bày của ông Sơn phù hợp với trình bày của ông M1 là khi ông M1 và bà M2 chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Sơn vào năm 1994 thì hai bên không ghi cụ thể chiều ngang, chiều dài và tổng diện tích đất là bao nhiêu, sau đó khoảng 10 ngày phía ông M1 mới ghi thêm diện tích chiều ngang, chiều dài vào giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất (BL 36, 64), ngoài ra lời trình bày của ông Sơn còn phù hợp với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Cá với ông K vào năm 1991, thể hiện phần đất chuyển nhượng cho ông K có bờ trồng tràm và giáp với ông Sơn (BL 11A).

[4] Ngoài ra trong quá trình sử dụng đất phía ông M1 và bà M2 có chuyển nhượng đất cho bà Nguyễn Thị Lệ vào năm 1999 theo giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất trước đây chuyển nhượng từ ông Sơn có chiều ngang là 36m, chiều dài khoảng 500m và bà Lệ phát sinh tranh chấp ranh đất với ông K, sau đó bà Lệ thống nhất ranh đất, bà Lệ đã được cấp quyền sử dụng đất có chiều ngang mặt tiền là 33,26m, ngang mặt hậu là 34.65m (BL 93).

[5] Quá trình giải quyết tranh chấp và tại phiên tòa phúc thẩm ông M1 và bà M2 khẳng định phần bờ tranh chấp đã có từ thời điểm ông bà chuyển nhượng của ông Sơn nhưng tại biên bản hòa giải ngày 29/3/2018 (BL03) bà M2 trình bày “*Bờ dài 200m ngang 1,5m tôi đã mượn người đào và đắp đất lên bờ đó...*”. Điều này

thể hiện sự mâu thuẫn trong lời khai của ông M1, bà M2, ông bà không rõ phần bờ đất này tồn tại từ thời điểm nào.

[6] Khi chuyển nhượng đất, cả ông K và ông M1, bà M2 đều không đo diện tích đất chuyển nhượng, căn cứ theo giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông K thể hiện chiều ngang là 36m, thực tế đo luôn phần đất tranh chấp thì chiều ngang đất của ông K (phía giáp kinh lộ xe) là 37,9m; phía bà M2, ông M1 đo đạc thực tế có chiều ngang 33,38m (phía giáp kinh lộ xe) nếu cộng thêm phần đất tranh chấp thì có chiều ngang là 34,62m. Về số liệu thực tế không đúng theo hợp đồng chuyển nhượng, tuy nhiên để giải quyết phần đất tranh chấp thuộc về ai thì Hội đồng xét xử cũng không căn cứ vào số liệu thực tế khi đo đạc vì xét khi chuyển nhượng ban đầu cả hai bên đều không đo đạc xác định ranh giới cụ thể. Ông M1 cũng thừa nhận đến thời điểm năm 2017 khi đo đạc lại thì mới đo qua bờ đang tranh chấp, đất ông mới đủ chiều ngang là 36m (BL 35). Như vậy đến thời điểm năm 2017 ông M1 và bà M2 mới cho rằng đất của ông bà không đúng với diện tích khi ông bà chuyển nhượng được thể hiện trong giấy là 36m ngang (BL 73). Hợp đồng chuyển nhượng của ông K có thể hiện bờ tràm và phần đất tranh chấp đã được cấp quyền sử dụng đất cho ông K nên bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K là có căn cứ.

[7] Đối với yêu cầu của ông M1, bà M2 về việc đo lại cả hai phần đất để đối chiếu lại diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới biết được đất ai thiếu. Xét thấy, khi tiến hành cấp quyền sử dụng đất cho ông K, ông M1 thì không tiến hành đo đạc chi tiết, cả hai bên đều thừa nhận vấn đề này tại Tòa nên việc đo đạc xác định lại diện tích cũng không phải là căn cứ để giải quyết như nhận định trên. Do đó không chấp nhận đề nghị đo đạc lại của phía ông M1 và bà M2.

[8] Đối với tranh luận của Luật sư cho rằng quá trình sử dụng đất giữa ông M1 và ông K có tranh chấp bờ tràm vào năm 1999, được chính quyền địa phương giải quyết và có xác nhận của ông Hà Quang Văn và ông Phạm Xuân Thiện. Theo biên bản lấy lời khai của ông Thiện (BL 100) thể hiện: Vào năm 1999 ông không có tham gia giải quyết tranh chấp giữa ông K và ông M1, bà M2. Ông Hà Quang Văn bị bệnh tai biến cách nay 09 năm nên không nhớ có việc giải quyết tranh chấp vào năm 1999 hay không (BL 101). Phía ông M1 và bà M2 cũng không cung cấp được biên bản giải quyết tranh chấp nên không có căn cứ chấp nhận lời tranh luận của Luật sư bảo vệ cho kháng cáo của ông M1 và bà M2.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà M2 và ông M1, giữ nguyên án sơ thẩm, như phân tích trên đề nghị này là có căn cứ nên chấp nhận.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà M2 và ông M1 phải chịu án phí mỗi người là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 29

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Dương Văn M1 và bà Sử Thị M2.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 53/2018/DS-ST ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình.

Áp dụng Điều 166, Điều 203 Luật đất đai; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc ông Dương Văn M1, bà Sử Thị M2 giao phần đất tranh chấp cho ông K sử dụng, cụ thể như sau:

Vị trí: Mặt tiền giáp Sông Trẹm mốc M31, M30; mặt hậu giáp Quốc Lộ 63B M2, M3; cạnh bên phải (*nhìn từ mặt tiền*) giáp phần đất còn lại của ông Nguyễn Trọng K mốc M30, M27, M22, M19, M14, M11, M6, M3; cạnh bên trái (*nhìn từ mặt tiền*) giáp phần đất còn lại của ông Dương Văn M1, bà Sử Thị M2 mốc M31, M26, M23, M18, M15, M10, M7, M2.

Kích thước: Phần thứ 1: Mốc M30, M31 giáp Sông Trẹm dài 1,9m, mốc M26, M27 giáp Kinh Xáng dài 1,83m, mốc M30, M27 giáp phần đất ông K dài 20,82m, mốc M31, M26 giáp phần đất ông M1, bà M2 dài 20,88m.

Phần thứ 2: Mốc M22, M23 giáp Kinh Xáng dài 1,78m, mốc M18, M19 giáp Lộ Bê Tông dài 1,76m, mốc M22, M19 giáp phần đất ông K dài 5,14m, mốc M23, M18 giáp phần đất ông M1, bà M2 dài 5,14m.

Phần thứ 3: Mốc M14, M15 giáp Lộ Bê Tông dài 1,75m, mốc M10, M11 giáp đường Hành Lang Ven Biển Phía Nam dài 1,45m, mốc M14, M11 giáp phần đất ông K dài 88,77m, mốc M15, M10 giáp phần đất ông M1, bà M2 dài 88,49m.

Phần thứ 4: Mốc M6, M7 giáp đường Hành Lang Ven Biển Phía Nam dài 1,32m, mốc M2, M3 giáp Quốc Lộ 63B dài 1,24m, mốc M3, M6 giáp phần đất ông K dài 20,73m, mốc M7, M2 giáp phần đất ông M1, bà M2 dài 20,81m.

Tổng diện tích 215,1 m² tại ấp 18, xã Biển Bạch, huyện Thới Bình, Cà Mau.

Giao cho ông K được sử dụng tất cả các cây trồng có trên phần đất tranh chấp bao gồm: Tràm bông vàng, tràm rừng và bạch đàn.

Về chi phí tố tụng: Buộc ông M1, bà M2 hoàn lại cho ông K số tiền 18.428.000 đồng (Mười tám triệu bốn trăm hai mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày ông K có đơn yêu cầu thi hành án. Trường hợp ông M1, bà M2 chậm trả số tiền trên cho ông K thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của bộ luật dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông K không phải chịu án phí, ngày 02-5-2018 ông K có nộp tạm ứng án phí số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 005436 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thới Bình được nhận lại. Ông M1, bà M2 phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Án phí phúc thẩm: Ông Dương Văn M1 và bà Sử Thị Người phải chịu án phí mỗi người 300.000 đồng. Đã dự nộp 600.000 đồng theo biên lai thu số 0005870 ngày 05/01/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thới Bình được chuyển thu đối trừ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT, (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hoàng Thị Hải Hà